

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN KRÔNG BÔNG
TỈNH ĐẮK LẮK**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 12/2018/HSST
Ngày 13/11/2018

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN KRÔNG BÔNG, TỈNH ĐẮK LẮK

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Chu Văn Hồi.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Hoài Nam; Ông Nguyễn Ngọc Minh.

- Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Quỳnh – Thư ký
Tòa án nhân dân huyện Krông Bông.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Krông Bông tham gia phiên tòa:
Ông Nguyễn Văn Khánh - Kiểm sát viên.

Ngày 13 tháng 11 năm 2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Krông Bông, tỉnh Đắk Lắk xét xử sơ thẩm vụ án hình sự thụ lý số 11/2018/HSST ngày 01 tháng 10 năm 2018 theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 12/2018/QĐXXST-QĐ ngày 31 tháng 10 năm 2018 đối với các bị cáo.

1. Họ và tên: Y L W Buôn Yă, sinh ngày 15 tháng 8 năm 1995; tại A - Đắk Lắk; Nơi cư trú: buôn K, xã D, huyện A, tỉnh Đắk Lắk; Dân tộc: Êđê; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Nghề nghiệp: công nhân; Trình độ văn hóa: 6/12; Tiền án - Tiền sự: Không; Con ông Y H Hmok, sinh năm 1952 và con bà H B N Buôn Yă, sinh năm 1958. Nhân thân: Ngày 01/6/2018 bị Tòa án nhân dân huyện Krông Ana, tỉnh Đắk Lắk xử phạt 10 tháng tù về tội Cố ý làm hư hỏng tài sản, tại bản án số 09/2018/HSST.

Bị cáo đang bị tạm giam theo Quyết định tạm giam số 07/2018/HSST-QĐTG ngày 11/10/2018 của Chánh án Tòa án nhân dân huyện Krông Bông kể từ ngày 14/10/2018 đến nay. Có mặt.

2. Họ và tên: Y K Hdruê, sinh ngày 26 tháng 6 năm 1996 tại A – Đắk Lắk; Nơi cư trú: buôn K, xã D, huyện A, tỉnh Đắk Lắk; Dân tộc: Êđê; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Tin Lành; Nghề nghiệp: công nhân; Trình độ văn hóa: 5/12; Tiền án - Tiền sự:

Không; Con ông Y W Knul, sinh năm 1968 và con bà H L Hdruê, sinh năm 1971; Nhân thân: Ngày 01/6/2018 bị Tòa án nhân dân huyện Krông Ana, tỉnh Đắk Lắk xử phạt 10 tháng tù về tội Cố ý làm hư hỏng tài sản, tại bản án số 09/2018/HSST.

Bị cáo đang bị tạm giam theo Quyết định tạm giam số 08/2018/HSST-QĐTG ngày 11/10/2018 của Chánh án Tòa án nhân dân huyện Krông Bông kể từ ngày 14/10/2018 đến nay. Có mặt.

3. Họ và tên: Y T Êñuôl (Họ khác: Êñuôl), sinh ngày 05 tháng 4 năm 2000 tại A – Đắk Lắk; Nơi cư trú: buôn K, xã D, huyện A, tỉnh Đắk Lắk; Dân tộc: Êđê; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Nghề nghiệp: làm nông; Trình độ văn hóa: 02/12; Tiền án - Tiền sự: Không; Con ông Y D Hdruê, sinh năm 1975 và con bà H B Êñuôl, sinh năm 1977; Nhân Thân: Ngày 16/8/2018 bị Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk xử phạt 04 tháng tù về tội Cố ý làm hư hỏng tài sản, tại bản án số 260/2018/HSST. Bắt thi hành án ngày 06/9/2018.

Ngày 20/9/2018 Thủ trưởng cơ quan thi hành án hình sự Công an tỉnh Đắk Lắk có lệnh trích xuất phạm nhân Y T Êñuôl từ nhà tạm giữ Công an huyện Krông Ana đến nhà tạm giữ Công an huyện Krông Bông để phục vụ công tác điều tra, truy tố, xét xử. Có mặt.

4. Họ và tên: Y H Kpor (Tên gọi khác: Y K), sinh ngày 14 tháng 02 năm 1994 tại A – Đắk Lắk; Nơi cư trú: Buôn M, xã T, huyện B, tỉnh Đắk Lắk; Dân tộc: Êđê; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Nghề nghiệp: làm nông; Trình độ văn hóa: 5/12; Tiền án - Tiền sự: Không; Con ông Y B Byă, sinh năm 1973 và con bà H L Kpor, sinh năm 1970. Hiện tại cha, mẹ bị cáo đang cư trú tại Buôn M, xã T, huyện B, tỉnh Đắk Lắk; Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú. Có mặt.

Người bào chữa cho các bị cáo:

- Bào chữa cho các bị cáo Y L W Buôn Yă và Y T Êñuôl: Ông Ngô Đình Khôi, sinh năm 1973 (có mặt).

- Bào chữa cho các bị cáo Y K Hdruê và Y H Kpor: Bà Trần Thị Phương Lan, sinh năm 1984 (có mặt).

Những người bào chữa đều là Trợ giúp viên của của Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Đắk Lắk.

Bị hại: Anh Nguyễn Thanh V, sinh năm 1993;

Địa chỉ: Thôn H, xã T, huyện B, tỉnh Đắk Lắk (có mặt).

Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

- Anh Lê Văn D, sinh năm 1987;

Địa chỉ: Thôn B, xã Đ, huyện A, tỉnh Đắk Lắk.

- Anh Y K Hmók (Tên gọi khác: Y Q), sinh năm 2000;

Địa chỉ: Buôn K, xã K, huyện A, tỉnh Đắk Lắk.

- Anh Y L Byă, sinh năm 1984;

Địa chỉ: Buôn K, xã K, huyện A, tỉnh Đắk Lắk.

(Đều vắng mặt – có đơn xin xét xử vắng mặt).

Người phiên dịch tiếng Êđê: Ông Rmah In (Ama Ka).

Nơi công tác: Hội người cao tuổi huyện Krông Bông *(có mặt)*.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 22 giờ ngày 18/9/2017, Y L W BuônYă, Y K Hdruê, Y T Êñuôl và Y H Kpor, Y L Kpor sinh ngày 15/7/2003 uống rượu tại nhà Y K1 Êban ở buôn M, xã T, huyện B thì Y K mượn xe mô tô của Y L W đi chơi. Đến khoảng 22 giờ 30 phút cùng ngày thì Y L W, Y T, Y H và Y L không uống rượu nữa mà ngồi nói chuyện, Y L W nói “*không có tiền để tiêu xài*” Y L nói “*có dám đi trộm điện thoại không*”, Y L W hỏi Y L “*điện thoại có người sao lấy*”, Y L trả lời “*tiệm điện thoại ở khu vực chợ T không có người*” thì Y L W, Y T, Y H đồng ý đi lấy trộm điện thoại. Mọi người đi xuống cầu thang gặp Y K thì Y L W rủ Y K cùng đi trộm cắp tài sản, khi đi Y L lấy 01 cái rựa dài khoảng 60cm của nhà Y K1 cầm theo. Y L W, Y K, Y T, Y H và Y L đi bộ đến cửa hàng điện thoại Thanh V ở tại thôn M, xã T, huyện B. Y L W, Y K, Y T, Y H và Y L đi vòng ra phía sau của cửa hàng điện thoại nơi đang xây dựng chưa hoàn thiện. Y L W lấy cái rựa của Y L cầm theo rồi cùng với Y K cạy cửa phía sau nhưng không cạy được. Lúc này Y K nhìn thấy 01 cái cuốc nên Y K lấy cuốc rồi cùng với Y L W cạy phá cửa. Khi cạy được cửa Y K và Y Lê W vào trong cửa hàng điện thoại còn Y T, Y H, Y L đứng ở bên ngoài cảnh giới. Vào trong cửa hàng Y K và Y L W nhìn thấy điện thoại để ở trong tủ. Y Ky tìm thấy chìa khóa tủ rồi đưa cho Y Lê Wi mở tủ để lấy điện thoại, lúc này Y K phát hiện có camera nên chạy lại rút dây điện camera. Sau đó Y L W và Y K lấy toàn bộ điện thoại trong tủ bỏ vào túi áo khoác đang mặc trên người và bỏ vào một túi nilon màu đen nhưng không xác định

được số lượng điện thoại (bị can Y L W Buôn Yã và Y K khai nhận khoảng hơn 40 điện thoại các loại) và Y K lại tử để điện thoại đã qua sử dụng lấy một điện thoại nhãn hiệu HUAWEI. Y L W cầm túi nilon chứa điện thoại và cùng Y K đi ra theo lối cửa sau rồi cùng Y T, Y H và Y L đi bộ về nhà Y K1. Khi về đến nhà thì Y K và Y L W bỏ điện thoại vào túi xách và ba lô của mình rồi đi ngủ. Đến sáng ngày 19/9/2017, Y K và Y L W mang toàn bộ số điện thoại về huyện A. Y K và Y L W bán 01 điện thoại OPPO A37 tại cửa hàng điện thoại C tại Buôn E, thị trấn T, huyện A được số tiền 900.000 đồng. Đến trưa cùng ngày, Y K và Y L W mang số điện thoại trộm cắp được ra ngã ba xí nghiệp thuộc xã B, huyện A, Y L W đưa hai điện thoại (không rõ nhãn hiệu) cho Y G (không rõ nhân thân) bán được 900.000 đồng. Tại đây Y L W đổi cho Y N Êban trú tại N, xã B, huyện A 01 điện thoại nhãn hiệu OPPO lấy 01 chiếc điện thoại nhãn hiệu Sam sung. Đến tối ngày 19/9/2017, Y Lê W và Y K đi thành phố T bán 05 điện thoại di động cho một cửa hàng điện thoại (không xác định được địa chỉ) được 4.000.000 đồng, trong đó có 04 điện thoại trộm cắp được và 01 điện thoại Sam Sung đổi của Y N Êban. Sau khi bán điện thoại, Y K và Y L W đi tỉnh Bình Dương chơi. Ngày 21/9/2017, tại tỉnh Bình Dương, Y L W cho anh Y L Byã, sinh năm 1984, trú tại K, xã D, huyện A 01 điện thoại nhãn hiệu VIVAS. Đến tối cùng ngày 21/9/2017, Y K và Y L W cầm một điện thoại Sam sung J5 tại một cửa hàng điện thoại ở tỉnh Bình Dương (không rõ địa chỉ) với số tiền là 2.000.000 đồng rồi về lại huyện Krông Ana, tỉnh Đắk Lắk.

Ngày 22/9/2017, Y K và Y L W ném khoảng 20 điện thoại các loại nhưng không có pin xuống hồ nước của nhà Y N Niê thuộc Buôn N, xã B, huyện A. Ngày 27/9/2017, Y K cầm một điện thoại không rõ nhãn hiệu cho một tiệm điện thoại (không rõ tên, địa chỉ) ở xã B, huyện A được 500.000 đồng. Còn lại 06 điện thoại các loại Y K, Y L W mang xuống thành phố T, tỉnh Khánh Hòa. Tại đây Y K cầm hai điện thoại (một điện thoại OPPO A37 và NOKIA 3) cho dịch vụ cầm đồ của Võ Thị Hồng H tại 75 Đ, thành phố T, tỉnh Khánh Hòa với số tiền 1.200.000 đồng. Khoảng 20 ngày, Lê Văn D, sinh năm 1987 trú tại Thôn B, xã A, huyện A đi chuộc điện thoại OPPO A37 và NOKIA 3 về sử dụng. Lê Văn D sử dụng điện thoại NOKIA 3, còn điện thoại OPPO A37 đưa cho Y K Byã, sinh năm 2002 trú tại Buôn K, xã D, huyện A sử dụng. Ngoài ra Y L W còn cho D một điện thoại OPPO và D đã cầm ở thành phố T, tỉnh Khánh Hòa với số tiền 1.200.000 đồng. Ba điện thoại còn lại Y L W và Y K sử dụng do điện thoại bị hư hỏng nên đã vứt bỏ. Toàn bộ số tiền Y L W và Y K bán và cầm số điện thoại trộm cắp được thì Y L W chia cho Y T 1.000.000 đồng, số tiền còn lại Y L W và Y K đã tiêu xài hết.

Ngày 02/10/2017, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Krông Bông trưng cầu Hội đồng định giá tài sản trong Tổ tụng huyện Krông Bông tiến hành định giá 46 điện thoại di động. Ngày 24/11/2017, Hội đồng định giá tài sản trong Tổ tụng huyện Krông Bông kết luận 40 điện thoại tại thời điểm bị mất trộm có giá là 82.560.000 đồng (tám mươi hai triệu năm trăm sáu mươi nghìn đồng); còn lại 06 điện thoại không xác định được rõ đặc điểm nên không đủ cơ sở để hội đồng tiến hành định giá.

Về vật chứng của vụ án thu giữ được:

- 37 vỏ hộp điện thoại di động các loại; 04 điện thoại gồm: 01 điện thoại nhãn hiệu NOKIA 3, 01 điện thoại nhãn hiệu OPPO, 01 điện thoại nhãn hiệu VIVAS, 01 điện thoại nhãn hiệu GIGI. Quá trình điều tra xét thấy không cần phải tạm giữ nên ngày 17/01/2018, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Krông Bông ra quyết định xử lý vật chứng trả lại các tài sản trên cho chủ sở hữu là anh Nguyễn Thanh V, anh V đồng ý nhận lại các tài sản trên và không yêu cầu các bị can phải bồi thường thiệt hại gì liên quan đến 04 điện thoại này.

- 02 biên lai cầm đồ.

- 01 (một) cái cuốc có cán được làm bằng tre, dài 86cm; lưỡi cuốc bằng kim loại kích thước 21x18cm.

- Đối với cái rựa của Y L mang theo sử dụng để cạy cửa, hiện nay Y L không có tại địa phương nên không thể làm rõ để truy tìm.

Về dân sự: Các bị can: Y L W Buôn Yă đã bồi thường số tiền 13.000.000 đồng, Y K Hdruê đã bồi thường số tiền 9.000.000 đồng, Y T Êñuôl đã bồi thường số tiền 2.000.000 đồng, Y H Kpor đã bồi thường số tiền 1.000.000 đồng. Tổng cộng số tiền các bị can đã bồi thường cho Nguyễn Thanh V là 25.000.000 đồng và 10.360.000 đồng là trị giá 04 điện thoại các loại mà anh V đã nhận lại từ Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Krông Bông. Bị hại Nguyễn Thanh V yêu cầu các bị can phải bồi thường thêm số tiền 47.200.000 đồng.

Đối với Lê Văn D, Y K Byă, Y K Hmok, Y L Byă, Võ Thị Hồng H và Lê Văn C là nhưng người mua, nhận cầm điện thoại và được cho điện thoại để sử dụng thì họ điều không biết điện thoại này là tài sản do Y L W Buôn Yă và Y K Hdruê phạm tội mà có. Do vậy hành vi của Lê Văn D, Y K Byă, Y K Hmok, Y L Byă, Võ Thị Hồng H và Lê Văn C không có dấu hiệu của tội Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có. Nên Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Krông Bông không đề cập đến.

Trong vụ án này Y L là người khởi xướng, trực tiếp dẫn đường và cảnh giới để Y L W và Y K cạy cửa đột nhập vào cửa hàng điện thoại trộm cắp tài sản. Y H và Y T là đồng phạm với vai trò giúp sức trong việc cảnh giới. Đối với Y L Kpor sinh ngày 15 tháng 7 năm 2003 tính đến ngày phạm tội Y L Kpor được 14 tuổi 2 tháng 3 ngày nên chưa đủ tuổi chịu trách nhiệm hình sự đối với tội phạm ít nghiêm trọng và nghiêm trọng quy định tại khoản 2 Điều 12 Bộ luật hình sự năm 2015. Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Krông Bông đã chuyển sang xử phạt hành chính bằng hình thức Cảnh cáo.

Tại bản cáo trạng số 10/KSĐT-HS ngày 28/9/2018 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Krông Bông truy tố các bị cáo Y L W Buôn Yă, Y K Hdruê, Y T Êñuôl và Y H Kpor về tội: “*Trộm cắp tài sản*” theo điểm c khoản 2 Điều 173 Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa, các bị cáo hoàn toàn thừa nhận hành vi phạm tội của mình đúng như lời khai của các bị cáo tại Cơ quan điều tra, phù hợp với lời khai của người bị hại, đúng như nội dung bản cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện Krông Bông đã công bố tại phiên tòa.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Krông Bông giữ quyền công tố tại phiên tòa trình bày lời luận tội, sau khi phân tích đánh giá tính chất, mức độ hành vi phạm tội, nhân thân của các bị cáo, cũng như qua xem xét các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với các bị cáo và giữ nguyên quyết định truy tố, đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố các bị cáo L W Buôn Yă, Y K Hdruê, Y T Êñuôl và Y H Kpor phạm tội “*Trộm cắp tài sản*”. Đề nghị:

Áp dụng điểm c khoản 2 Điều 173; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38; khoản 1 Điều 56 Bộ luật hình sự. Xử phạt bị cáo Y L W Buôn Yă và Y K Hdruê, mỗi bị cáo từ 02 (hai) năm 06 (sáu) tháng đến 03 (ba) năm tù. Tổng hợp hình phạt mỗi bị cáo 10 tháng tù tại bản án số 09/2018/HSST ngày 01/6/2018 của Tòa án nhân dân huyện Krông Ana để buộc các bị cáo chấp hành hình phạt chung. Thời hạn phạt tù tính từ ngày bắt tạm giữ, tạm giam, ngày 14/12/2017.

Áp dụng điểm c khoản 2 Điều 173; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 91; khoản 1 Điều 101; khoản 1 Điều 54; Điều 38; khoản 1 Điều 56 Bộ luật hình sự. Xử phạt bị cáo Y T Êñuôl từ 01 (một) năm 06 (sáu) tháng đến 02 (hai) năm tù. Tổng hợp hình phạt 04 tháng tù tại bản án số 260/2018/HSPT ngày 16/8/2018 của Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk để buộc bị cáo chấp hành hình phạt chung. Thời hạn phạt tù tính từ ngày bị cáo chấp hành án, ngày 06/9/2018.

Áp dụng điểm c khoản 2 Điều 173; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; khoản 1 Điều 54; khoản 1, khoản 2 Điều 65 Bộ luật hình sự. Xử phạt bị cáo Y H Kpor từ 01 (một) năm 06 (sáu) tháng đến 02 (hai) năm tù nhưng cho hưởng án treo. Thời gian thử thách từ 03 (ba) năm đến 04 (năm) tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

- Về vật chứng của vụ án: Căn cứ Điều 47 Bộ luật hình sự và Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự:

+ Chấp nhận Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Krông Bông đã trả lại 37 vỏ hộp điện thoại; 01 điện thoại nhãn hiệu NOKIA 3; 01 điện thoại nhãn hiệu OPPO; 01 điện thoại nhãn hiệu VIVAS; 01 điện thoại nhãn hiệu GIGI cho chủ sở hữu là anh Nguyễn Thanh V. Anh V đồng ý nhận lại 04 điện thoại trên và không yêu cầu các bị cáo phải bồi thường thiệt hại gì liên quan đến 04 điện thoại này.

+ 01 (một) cái cuốc có cán được làm bằng tre, dài 86cm; lưỡi cuốc bằng kim loại kích thước 21x18cm. Là tài sản của gia đình anh V, anh V từ chối nhận và không còn giá trị sử dụng nên tịch thu tiêu hủy.

- Về trách nhiệm dân sự: Căn cứ Điều 48 Bộ luật hình sự; Điều 587; 589 Bộ luật dân sự. Các bị cáo: Y L W Buôn Yă đã bồi thường số tiền 15.000.000 đồng, Y K Hdruê đã bồi thường số tiền 14.000.000 đồng, Y T Êñuôl đã bồi thường số tiền 8.000.000 đồng, Y H Kpor đã bồi thường số tiền 1.000.000 đồng. Tổng cộng số tiền các bị can đã bồi thường cho Nguyễn Thanh V là 38.000.000 đồng và 10.360.000 đồng là trị giá 04 điện thoại các loại mà bị hại Nguyễn Thanh V đã nhận lại từ Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Krông Bông. Tại phiên tòa người bị hại Nguyễn Thanh V yêu cầu các bị cáo phải bồi thường thêm số tiền 34.200.000 đồng. Bị cáo Y H đồng ý bồi thường thêm 2.000.000đ, các bị cáo Y L W và Y K đồng ý bồi thường nhưng không đưa ra được mức bồi thường cụ thể, bị cáo Y T cho rằng chỉ được sử dụng 1.000.000đ và đã bồi thường được 8.000.000đ nên không đồng ý bồi thường thêm. Đề nghị HĐXX xem xét buộc các bị cáo phải tiếp tục bồi thường để đảm bảo quyền lợi của người bị hại.

Trợ giúp viên Ngô Đình Khôi và Trần Thị Phương Lan bào chữa cho các bị cáo Y L W Buôn Yă, Y T Êñuôl, Y K Hdruê và Y H Kpor: về hành vi phạm tội và các tình tiết giảm nhẹ đối với các bị cáo người bào chữa thống nhất quan điểm với đại diện Viện kiểm sát. Tuy nhiên khi quyết định hình phạt đề nghị HĐXX xem xét bị cáo đã thành khẩn khai báo, tỏ ra ăn năn hối cải, các bị cáo đều là người dân tộc thiểu số và có trình độ văn hóa thấp nên nhận thức về pháp luật còn nhiều hạn chế, tại thời điểm phạm tội bị cáo Y T là người chưa thành niên nên khả năng nhận thức về pháp

luật còn hạn chế, bản thân các bị cáo có hoàn cảnh gia đình khó khăn, tại phiên tòa người bị hại xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo. Đề nghị áp dụng khoản 1 Điều 54 BLHS đối với các bị cáo Y L W, Y K và Y T; áp dụng điểm i khoản 1 Điều 51 đối với bị cáo Y H, vì Y H phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng. Các bị cáo là người đồng bào dân tộc thiểu số ở xã có kinh tế đặc biệt khó khăn nên đề nghị miễn toàn bộ tiền án phí cho các bị cáo. Đồng thời đề nghị HĐXX xử phạt bị cáo mức án thấp hơn mức đề nghị của Kiểm sát viên, nhằm tạo cơ hội cho các bị cáo được sớm trở về với gia đình.

Kiểm sát viên tranh luận đối đáp với ý kiến tranh luận của người bào chữa: đề nghị áp dụng điểm i khoản 1 Điều 51 BLHS đối với bị cáo Y H là không được chấp nhận, tuy bị cáo Y H phạm tội lần đầu nhưng giá trị tài sản trộm cắp của vụ án trị giá 82.560.000đ thuộc trường hợp nghiêm trọng và bị cáo là đồng phạm thì phải chịu trách nhiệm chung, do vậy Đại diện Viện kiểm sát không đồng ý áp dụng điểm i khoản 1 Điều 51 BLHS đối với bị cáo Y H. Đề nghị áp dụng khoản 1 Điều 54 BLHS đối với các bị cáo Y L W, Y K và Y T, Đại diện Viện kiểm sát không đồng ý, vì các bị cáo Y L W, Y K và Y T là những người từ huyện A đến huyện Krông Bông thực hiện hành vi phạm tội, thể hiện sự liều lĩnh và gây hoang mang cho quần chúng tại địa phương và trước đó đã có hành vi vi phạm pháp luật tại huyện A, mặt khác tình hình tội phạm xâm phạm quyền sở hữu ngày càng gia tăng và có nhiều diễn biến phức tạp, do vậy không chấp nhận áp dụng khoản 1 Điều 54 BLHS để xử mức hình phạt dưới khung đối với các bị cáo Y L W, Y K, và Y T. Cần phải áp dụng một mức án nghiêm khắc để có tác dụng giáo dục các bị cáo và có tác dụng phòng ngừa chung.

Trợ giúp viên Trần Thị Phương Lan tranh luận đối đáp với ý kiến của Kiểm sát viên: mặc dù vụ án là tội phạm nghiêm trọng nhưng bị cáo Y H chỉ là người bị rủ rê phạm tội và vai trò trong vụ án chỉ là thứ yếu và cũng không được sử dụng tài sản trộm cắp mà có nên đề nghị áp dụng điểm i khoản 1 Điều 54 BLHS. Các bị cáo Y L W, Y K và Y T có hai tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm b, s khoản 1 Điều 51 BLHS thì đủ điều kiện để áp dụng khoản 1 Điều 54 BLHS, nếu không áp dụng là thiếu sót và thiệt thòi cho các bị cáo.

Các bị cáo không có ý kiến tranh luận bổ sung gì; lời nói sau cùng, các bị cáo đều xin giảm nhẹ hình phạt.

Các bị cáo không có ý kiến tranh luận bổ sung gì; lời nói sau cùng, các bị cáo đều xin giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

[1] Về tố tụng: Hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện Krông Bông, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Krông Bông, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo không có ý kiến hay khiếu nại gì về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] về nội dung: các bị cáo có đủ năng lực hành vi và hoàn toàn nhận thức được việc làm của mình là vi phạm pháp luật, mặc dù biết rõ tài sản của gia đình anh V không thuộc sở hữu của mình, tài sản đó được tạo ra bằng công sức lao động của chủ sở hữu và được pháp luật bảo vệ nếu ai chiếm đoạt bất hợp pháp sẽ bị pháp luật trừng trị nghiêm minh, nhưng do tham lam, lười lao động nhưng lại muốn được hưởng thụ từ thành quả lao động của người khác để sử dụng cho mục đích cá nhân nên Y L Kpor đã khởi xướng việc đi trộm cắp điện thoại và chỉ địa điểm nên khoảng 22 giờ 30 phút ngày 18/9/2017, Y T Êñuôl và Y H Kpor và Y L Kpor đứng ngoài cảnh giới để Y L W Buôn Yă, Y K Hdruê cạy cửa rồi đột nhập vào cửa hàng điện thoại lấy trộm 40 điện thoại di động các loại với tổng giá trị tài sản là 82.560.000đ. Lời khai nhận của các bị cáo tại phiên tòa là hoàn toàn phù hợp với lời khai tại cơ quan điều tra, phù hợp với lời khai của người bị hại, người liên quan cũng như toàn bộ các tài liệu chứng cứ khác đã thu thập được và đánh giá tại phiên tòa hôm nay là hoàn toàn thực tế khách quan. HĐXX xét thấy đã có đủ cơ sở pháp lý kết luận các bị cáo Y L W Buôn Yă, Y K Hdruê, Y T Êñuôl và Y H Kpor đã thực hiện hành vi trộm cắp tài sản của gia đình anh Nguyễn Thanh V có giá trị là 82.560.000đ, hành vi đó đã đủ yếu tố cấu thành tội “*Trộm cắp tài sản*” theo điểm c khoản 2 Điều 173 Bộ luật hình sự.

[3] Khoản 1, điểm c khoản 2 Điều 173 Bộ luật hình sự quy định:

1. Người nào trộm cắp tài sản của người khác trị giá từ 2.000.000 đồng đến dưới 50.000.000 đồng hoặc dưới 2.000.000 đồng nhưng thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm;

2. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 02 năm đến 07 năm.

c, Chiếm đoạt tài sản trị giá từ 50.000.000 đồng đến dưới 200.000.000 đồng.

[4] Xét tính chất mức độ và hành vi phạm tội của các bị cáo gây ra là nguy hiểm cho xã hội, thể hiện tính coi thường pháp luật, coi thường quyền sở hữu về tài sản của người khác, cố ý phạm tội, hành vi đó không những trực tiếp xâm phạm đến tài sản thuộc quyền sở hữu của người khác trái pháp luật mà còn làm ảnh hưởng xấu đến tình hình an ninh trật tự tại địa phương nơi cư trú nói riêng và toàn xã hội nói chung. Hiện nay loại tội phạm xâm phạm quyền sở hữu đang ngày càng gia tăng, gây hoang mang trong quần chúng nhân dân, do vậy hành vi của các bị cáo cần được xử lý nghiêm minh và cần áp dụng mức hình phạt sao cho tương xứng với mức độ mà các bị cáo đã thực hiện, để có được một bản án đúng người, đúng tội và đúng pháp luật có tác dụng giáo dục và phòng ngừa chung cho toàn xã hội.

Trước khi phạm tội giữa các bị cáo không thể hiện sự bàn bạc và phân công nhiệm vụ cụ thể, các bị cáo cùng thống nhất ý chí và cùng nhau thực hiện nên hành vi phạm tội của bị cáo mang tính chất đồng phạm giản đơn nên cần phân hóa và quyết định hình phạt đối với từng bị cáo cho phù hợp.

Đối với bị cáo Y L W và Y K các bị cáo là người trực tiếp thực hiện việc cạy cửa và đột nhập vào nhà anh V lấy trộm tài sản, tài sản trộm cắp được có giá trị là 82.560.000 đồng, các bị cáo Y L W và Y K được sử dụng phần lớn tài sản trộm cắp mà có, chỉ chia cho bị cáo Y T 1.000.000đ. Trước đó, vào ngày 06/8/2017 các bị cáo Y L W và Y K đã có hành vi Cố ý làm hư hỏng tài sản và đã bị Tòa án nhân dân huyện Krông Ana xử phạt mỗi bị cáo 10 tháng tù tại bản án số 09/2018/HSST ngày 01/6/2018. Do vậy, HĐXX cần phải áp dụng mức án thật nghiêm khắc để đủ sức răn đe và cải tạo các bị cáo trở thành người công dân có ích cho gia đình và xã hội. Các bị cáo Y L W và Y K có mức hình phạt ngang nhau và cao hơn các bị cáo khác trong cùng vụ án.

Đối với bị cáo Y T Êñuôl là người được rủ rê cùng tham gia trộm cắp tài sản, sau khi được rủ bị cáo đồng ý cùng tham gia mà không có ý kiến gì, quá trình thực hiện bị cáo giúp sức bằng việc đứng canh giới cho bị cáo Y L W và Y K thực hiện trộm cắp tài sản, sau khi trộm cắp được tài sản bị cáo cũng được chia số tiền 1.000.000 đồng để sử dụng cho mục đích cá nhân. bị cáo Y T ngoài vụ án được đưa ra xét xử ngày hôm nay còn thực hiện 01 lần phạm tội tại huyện Krông Ana với vai trò giúp sức, vào ngày 06/8/2017 bị cáo cùng các bị cáo khác đã có hành vi Cố ý làm hư hỏng tài sản và đã bị Tòa án nhân dân huyện Krông Ana xử phạt 06 tháng tù tại bản án số 09/2018/HSST ngày 01/6/2018. Bị cáo kháng cáo và đã được Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk xử phạt 04 tháng tù tại bản án số 260/2018/HSPT ngày 16/8/2016, do vậy bị cáo cũng phải chịu trách nhiệm hình sự tương xứng với hành vi trộm cắp tài

sản của mình đã thực hiện, hành vi của bị cáo Y T có mức độ thấp hơn bị cáo Y Lê W và Y K.

Đối với bị cáo Y H Kpor, là người được rủ rê cùng tham gia trộm cắp tài sản, sau khi được rủ bị cáo đồng ý cùng tham gia mà không có ý kiến gì, quá trình thực hiện bị cáo giúp sức bằng việc đứng canh giới cho bị cáo Y L W và Y K thực hiện trộm cắp tài sản, mặc dù bị cáo không được chia tài sản do trộm cắp mà có nhưng hành vi của bị cáo là sau khi được rủ, bị cáo tiếp nhận ý chí là không có ý kiến phản đối mà cùng đi trộm cắp, do vậy bị cáo cũng phải chịu trách nhiệm hình sự tương xứng với hành vi của mình đã thực hiện nhưng thấp hơn các bị cáo khác và chịu mức hình phạt thấp nhất trong vụ án.

Xét hành vi, tính chất các bị cáo Y L W, Y K và Y T gây ra hậu quả là nghiêm trọng, mức độ mà các bị cáo đã thực hiện hành vi trộm cắp tài sản có giá trị lớn và nhân thân của các bị cáo, xét thấy cần phải cách ly các bị cáo Y L W, Y K và Y T ra khỏi cuộc sống cộng đồng xã hội một thời gian nhất định mới có thể cải tạo, giáo dục các bị cáo Y L W, Y K và Y T trở thành người công dân có ích cho gia đình và xã hội sau này.

Đối với bị cáo Y H Kpor, bị cáo được rủ thực hiện hành vi phạm tội với vai trò giúp sức, có vai trò thứ yếu trong vụ án, mặc dù không được sử dụng tài sản trộm cắp nhưng bị cáo đã tự nguyện bồi thường cho người bị hại được 01 triệu đồng và tại phiên tòa tự nguyện bồi thường thêm 02 triệu đồng, bị cáo lần đầu phạm tội và có nhân thân tốt có nơi cư trú rõ ràng nên xét thấy không cần thiết phải cách ly bị cáo Y H Kpor ra khỏi cuộc sống cộng đồng xã hội, chỉ cần giao bị cáo về chính quyền địa phương cùng gia đình để giám sát cũng đủ để giáo dục, cải tạo bị cáo trở thành người công dân có ích cho gia đình và xã hội sau này.

[5] Tình tiết tăng nặng: không có.

[6] Tình tiết giảm nhẹ: các bị cáo xuất thân từ thành phần nông dân lao động, đều là người đồng bào dân tộc thiểu số ở xã có kinh tế đặc biệt khó khăn, tại cơ quan điều tra cũng như tại phiên tòa hôm nay các bị cáo đã có thái độ thành khẩn, tỏ ra ăn năn hối cải, lúc phạm tội bị cáo Y T Êñuôl chưa đủ 18 tuổi, bị cáo mới được 17 tuổi 5 tháng 14 ngày, bị cáo Y H lần đầu phạm tội. Sau khi phạm tội các bị cáo đã tác động gia đình bồi thường cho người bị hại số tiền 38.000.000 đồng. Trong đó: bị cáo Y L W bồi thường được 15.000.000đ, bị cáo Y K bồi thường được 14.000.000đ, bị cáo Y T bồi thường được 8.000.000đ, bị cáo Y H bồi thường được 1.000.000đ, tại phiên tòa người bị hại xin giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo nên HĐXX cần áp dụng các tình

tiết giảm nhẹ quy định tại điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 BLHS đối với bị cáo Y L W, Y K và Y T; áp dụng điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; khoản 1 Điều 54 BLHS đối với bị cáo Y H để xem xét giảm nhẹ một phần hình phạt của bản án cho các bị cáo nhằm thể hiện chính sách khoan hồng nhân đạo của pháp luật Nhà nước ta.

[7] Đối với Y L Kpor sinh ngày 15 tháng 7 năm 2003 tính đến ngày phạm tội (18/9/2017) Y L Kpor được 14 tuổi 02 tháng 03 ngày nên chưa đủ tuổi chịu trách nhiệm hình sự đối với tội phạm ít nghiêm trọng và nghiêm trọng quy định tại khoản 2 điều 12 Bộ luật hình sự năm 2015 nên Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Krông Bông đã xử phạt hành chính bằng hình thức cảnh cáo. Sau đó Y L đã bỏ đi khỏi địa phương không rõ địa chỉ (đã có biên bản xác minh tại chính quyền địa phương) nên không thể triệu tập để tham gia tố tụng tại phiên tòa.

[8] Về vật chứng của vụ án:

- Chấp nhận Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Krông đã trả lại 37 vỏ hộp điện thoại; 01 điện thoại nhãn hiệu NOKIA 3; 01 điện thoại nhãn hiệu OPPO; 01 điện thoại nhãn hiệu VIVAS; 01 điện thoại nhãn hiệu GIGI cho chủ sở hữu là anh Nguyễn Thanh V. Anh V đồng ý nhận lại 04 điện thoại trên và không yêu cầu các bị cáo phải bồi thường thiệt hại gì liên quan đến 04 điện thoại này.

- Một cái cuốc có cán được làm bằng tre, dài 86cm; lưỡi cuốc bằng kim loại kích thước 21x18cm. Là tài sản của gia đình anh V, anh V từ chối nhận và xét thấy không còn giá trị sử dụng nên tịch thu tiêu hủy.

[9] Về trách nhiệm dân sự: Các bị cáo: Y L W Buôn Yă đã bồi thường số tiền 15.000.000 đồng, Y K Hdruê đã bồi thường số tiền 14.000.000 đồng, Y T Êñuôl đã bồi thường số tiền 8.000.000 đồng, Y H Kpor đã bồi thường số tiền 1.000.000 đồng. Tổng cộng số tiền các bị cáo đã bồi thường cho Nguyễn Thanh V là 38.000.000 đồng và 10.360.000 đồng là trị giá 04 điện thoại các loại mà bị hại Nguyễn Thanh V đã nhận lại từ Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Krông Bông. Tại phiên tòa người bị hại Nguyễn Thanh V yêu cầu các bị cáo phải bồi thường thêm số tiền 34.200.000 đồng. Bị cáo Y H đồng ý bồi thường thêm 2.000.000đ, các bị cáo Y L W và Y K đồng ý bồi thường nhưng không đưa ra được mức bồi thường cụ thể, bị cáo Y T cho rằng chỉ được sử dụng 1.000.000đ và đã bồi thường được 8.000.000đ nên không đồng ý bồi thường thêm. Giữa các bị cáo và người bị hại không thỏa thuận được nên HĐXX xem xét giải quyết như sau: Tài sản trộm cắp trị giá 72.200.000đ (sau khi đã khấu trừ giá trị 04 chiếc điện thoại thu hồi được là 10.360.000đ), là thiệt hại thực tế xảy ra đã được Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự xác định

nên anh V yêu cầu bồi thường là đúng với thực tế nên cần được chấp nhận toàn bộ. Bị cáo Y H không được sử dụng tài sản trộm cắp, bị cáo Y T được sử dụng 1.000.000đ, còn lại toàn bộ tài sản trộm cắp được là do các bị cáo Y L W và Y K sử dụng, do vậy trách nhiệm bồi thường thiệt hại phần lớn thuộc về các bị cáo Y L W, Y K và mức bồi thường ngang nhau. Bị cáo Y T được sử dụng 1.000.000đ đã bồi thường được 8.000.000đ nên không buộc bị cáo Y T phải bồi thường gì thêm. Bị cáo Y H không được sử dụng tài sản trộm cắp và đã bồi thường trước được 1.000.000đ, tại phiên tòa đồng ý bồi thường thêm 2.000.000đ được HĐXX chấp nhận. Bị cáo Y L W đã bồi thường trước được 15.000.000đ, buộc bị cáo phải bồi thường thêm 15.600.000đ. Bị cáo Y K đã bồi thường trước được 14.000.000đ, buộc bị cáo phải bồi thường thêm 16.600.000đ. HĐXX buộc các bị cáo phải tiếp tục bồi thường mức như trên để đảm bảo quyền lợi cho người bị hại.

[10] Xét lời bào chữa cho các bị cáo của trợ giúp viên Ngô Đình Khôi và Trần Thị Phương Lan: đề nghị áp dụng thêm điểm i khoản 1 Điều 51 BLHS đối với bị cáo Y H vì Y H phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng và đề nghị áp dụng khoản 1 Điều 54 BLHS đối với bị cáo Y L W, Y K và T không được HĐXX chấp nhận. Đề nghị miễn toàn bộ tiền án phí cho các bị cáo vì các bị cáo là người đồng bào dân tộc thiểu số sinh sống ở xã có kinh tế đặc biệt khó khăn được HĐXX chấp nhận.

[11] Xét thấy quan điểm đường lối xử lý vụ án và đề nghị mức hình phạt của đại diện Viện kiểm sát giữ quyền công tố là đầy đủ, đúng người, đúng tội và đúng pháp luật nên HĐXX cần chấp nhận.

[12] Về án phí: Các bị cáo Y L W Buôn Yă, Y K Hdruê, Y T Êñuôl và Y H Kpor là người đồng bào dân tộc thiểu số sinh sống ở xã có kinh tế đặc biệt khó khăn nên các bị cáo được miễn toàn bộ tiền án phí sơ thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

[1] Tuyên bố các bị cáo Y L W Buôn Yă, Y K Hdruê, Y T Êñuôl và Y H Kpor phạm tội “Trộm cắp tài sản”.

Áp dụng điểm c khoản 2 Điều 173; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38; khoản 1 Điều 56 Bộ luật hình sự. Xử phạt bị cáo Y L W Buôn Yă 02 (hai) năm 06 (sáu) tháng tù. Tổng hợp hình phạt 10 tháng tù về tội “Cố ý làm hư hỏng tài sản” tại bản án số 09/2018/HSST ngày 01/6/2018 của Tòa án nhân dân huyện Krông Ana để

buộc bị cáo chấp hành hình phạt chung là 03 (ba) năm 04 (bốn) tháng tù. Thời hạn phạt tù tính từ ngày bắt tạm giữ, tạm giam, ngày 14/12/2017.

Áp dụng điểm c khoản 2 Điều 173; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38; khoản 1 Điều 56 Bộ luật hình sự. Xử phạt bị cáo Y K Hdruê 02 (hai) năm 06 (sáu) tháng tù. Tổng hợp hình phạt 10 tháng tù về tội “Cố ý làm hư hỏng tài sản” tại bản án số 09/2018/HSST ngày 01/6/2018 của Tòa án nhân dân huyện Krông Ana để buộc bị cáo chấp hành hình phạt chung là 03 (ba) năm 04 (bốn) tháng tù. Thời hạn phạt tù tính từ ngày bắt tạm giữ, tạm giam, ngày 14/12/2017.

Áp dụng điểm c khoản 2 Điều 173; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 91; khoản 1 Điều 101; Điều 38; khoản 1 Điều 56 Bộ luật hình sự. Xử phạt bị cáo Y T Êñuôi (Họ khác: Êñuôl) 01 (một) năm 06 (sáu) tháng tù. Tổng hợp hình phạt 04 tháng tù về tội “Cố ý làm hư hỏng tài sản” tại bản án số 260/2018/HSPT ngày 16/8/2018 của Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk để buộc bị cáo chấp hành hình phạt chung là 01 (một) năm 10 (mười) tháng tù. Thời hạn phạt tù tính từ ngày bị cáo chấp hành án, ngày 06/9/2018.

Tiếp tục tạm giam các bị cáo Y L W Buôn Yă và Y K Hdruê để đảm bảo thi hành án.

Áp dụng điểm c khoản 2 Điều 173; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; khoản 1 Điều 54; khoản 1, khoản 2 Điều 65 Bộ luật hình sự. Xử phạt bị cáo Y H Kpor (Tên gọi khác: Y K) 01 (một) năm 06 (sáu) tháng tù nhưng cho hưởng án treo. Thời gian thử thách là 03 (ba) năm tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Trong thời gian thử thách giao bị cáo Y H Kpor cho Ủy ban nhân dân xã T, huyện B, tỉnh Đắk Lắk là nơi bị cáo thường trú, để giám sát và giáo dục. Gia đình bị cáo có trách nhiệm phối hợp với chính quyền địa phương trong việc giám sát, giáo dục bị cáo.

Trong thời gian thử thách, nếu người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ theo quy định của Luật thi hành án hình sự 02 lần trở lên, thì Tòa án có thể quyết định buộc người đó phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo. Trường hợp thực hiện hành vi phạm tội mới thì Tòa án buộc người đó phải chấp hành hình phạt của bản án trước và tổng hợp với hình phạt của bản án mới theo quy định tại Điều 56 của Bộ luật Hình sự. Trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều 69 Luật thi hành án hình sự.

[2] Về vật chứng của vụ án: áp dụng Điều 47 Bộ luật hình sự; Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự:

- Chấp nhận Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Krông Bông ra quyết định xử lý vật chứng trả lại 37 vỏ hộp điện thoại; 01 điện thoại nhãn hiệu NOKIA 3; 01 điện thoại nhãn hiệu OPPO; 01 điện thoại nhãn hiệu VIVAS; 01 điện thoại nhãn hiệu GIGI cho chủ sở hữu là anh Nguyễn Thanh V. Anh V đồng ý nhận lại 04 điện thoại trị giá 10.360.000 đồng và không yêu cầu các bị cáo phải bồi thường thiệt hại gì liên quan đến 04 điện thoại này.

- Một cái cuốc có cán được làm bằng tre, dài 86cm; lưỡi cuốc bằng kim loại kích thước 21x18cm. Là tài sản của gia đình anh V, anh V từ chối nhận và không còn giá trị sử dụng nên tịch thu tiêu hủy. Vật chứng đã được giao cho Chi cục thi hành án dân sự huyện Krông Bông theo biên bản giao nhận vật chứng ngày 01/10/2018.

[3] Về trách nhiệm dân sự: Áp dụng Điều 48 Bộ luật hình sự; Điều 587; 589 Bộ luật dân sự. Các bị cáo: Y L W Buôn Yă đã bồi thường số tiền 15.000.000 đồng, Y K Hdruê đã bồi thường số tiền 14.000.000 đồng, Y T Êñuôl đã bồi thường số tiền 8.000.000 đồng, Y H Kpor đã bồi thường số tiền 1.000.000 đồng. Tổng cộng số tiền các bị cáo đã bồi thường cho Nguyễn Thanh V là 38.000.000 đồng và 10.360.000 đồng là trị giá 04 điện thoại các loại mà anh V đã nhận lại từ Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Krông Bông. Bị hại Nguyễn Thanh V yêu cầu các bị cáo phải bồi thường thêm số tiền 34.200.000 đồng được HĐXX chấp nhận và buộc các bị cáo Y L W Buôn Yă, Y K Hdruê, Y H Kpor phải tiếp tục bồi thường cho người bị hại Nguyễn Thanh V tổng số tiền là 34.200.000 đồng (*Ba mươi tư triệu hai trăm nghìn đồng*). Theo mức cụ thể như sau: Bị cáo Y L W Buôn Yă bồi thường 15.600.000 đồng, bị cáo Y K bồi thường 16.600.000 đồng, bị cáo Y H bồi thường 2.000.000 đồng. Bị cáo Y T Êñuôl không phải bồi thường gì thêm.

Áp dụng Điều 357 và khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự để tính tiền lãi đối với số tiền chậm thi hành án tương ứng với thời gian chậm trả theo quy định của pháp luật.

[4] Về án phí: Áp dụng Điều 99 Bộ luật tố tụng hình sự; điểm đ khoản 1 Điều 12; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Các bị cáo Y L W Buôn Yă, Y K Hdruê, Y T Êñuôl và Y H Kpor là người đồng bào dân tộc thiểu số ở xã có kinh tế đặc biệt khó khăn nên miễn 100% tiền án phí cho các bị cáo.

Các bị cáo, người bị hại có quyền kháng cáo bản án trong hạn mười lăm ngày, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại

phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn mười lăm ngày kể từ ngày nhận được bản sao bản án hoặc bản án được niêm yết công khai.

Trường hợp Quyết định được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Đắk Lắk;
- Vụ GD kiểm tra I – TAND Tối cao;
- Sở Tư pháp Đắk Lắk;
- VKSND huyện Krông Bông;
- Phòng PV 27 CA tỉnh Đắk Lắk;
- CA huyện Krông Bông;
- Thi hành án hình sự;
- Chi cục THA DS;
- Bị cáo; Bị hại; Người liên quan;
- Lưu HS, VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Chu Văn Hồi